

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh Cà Mau thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27/02/2007 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO);

Căn cứ Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 04/6/2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thương mại và Báo cáo thẩm định số 38/STP-TĐ ngày 21/3/2008 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động của UBND tỉnh Cà Mau thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi Việt Nam là thành viên của WTO.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Thương mại chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, định kỳ hàng quý tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Công Thương;
 - Cục kiểm tra VB, Bộ Tư pháp;
 - TT Tỉnh ủy;
 - TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - LĐVP UBND tỉnh;
 - Website tỉnh Cà Mau;
 - CV các khối;
 - Lưu: VT-Li04.
- } để báo cáo

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Bùi Công Bửu

KẾ HOẠCH

**Hành động của UBND tỉnh Cà Mau thực hiện Chương trình
hành động của Chính phủ và Tỉnh ủy về một số chủ trương,
chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững khi
Việt Nam là thành viên của WTO**

*(Kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 02/4/2008
của UBND tỉnh Cà Mau)*

Phần I

PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN

1. Khả năng phát huy tiềm năng, lợi thế của tỉnh:

Cà Mau là tỉnh cực nam Tổ Quốc, thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) và nằm trọn trên bán đảo Cà Mau. Mũi Cà Mau (mốc tọa độ số 0) là địa danh có ý nghĩa kinh tế - chính trị, có ý nghĩa thiêng liêng đối với nhân dân cả nước, có tầm chiến lược về an ninh - quốc phòng, thuận lợi phát triển kinh tế biển.

Tỉnh Cà Mau có diện tích 5.329,5 km², là tỉnh có diện tích vào loại lớn trong vùng (chỉ sau tỉnh Kiên Giang). Đất đai của tỉnh là đất trẻ, mới được khai phá sử dụng, có độ phì trung bình khá, hàm lượng chất hữu cơ cao. Các tài nguyên đất đai, khí hậu, nguồn nước... tương đối thuận lợi, là tiềm năng lớn để phát triển kinh tế Ngư - Nông - Lâm nghiệp, tạo nguồn nguyên liệu để phát triển công nghiệp chế biến xuất khẩu và du lịch tham quan gắn với du lịch sinh thái, biển đảo.

Tài nguyên biển là tiềm năng, lợi thế to lớn và quan trọng nhất của tỉnh Cà Mau; là tỉnh duy nhất trong vùng và cả nước có 3 mặt giáp biển trải dài từ biển Đông sang biển Tây với bờ biển dài 254 km, nằm trong vòng cung đường biển của nhiều trung tâm phát triển của khu vực Đông Nam Á với nhiều hòn đảo (Hòn Khoai, Hòn Chuối, Hòn Đá Bạc...) có vị trí chiến lược quan trọng, là cầu nối để khai thác kinh tế biển, ven biển và là tiền tiêu bảo vệ Tổ quốc; ngư trường rộng trên 80.000 km² với nhiều loại thủy sản quý hiếm, có trữ lượng lớn, khả năng khai thác khoảng 250.000 tấn/năm và có tiềm năng khá lớn về dầu khí trong lòng biển (trữ lượng tiềm năng khoảng 172 tỷ m³, đã phát hiện 30 tỷ m³, sản lượng khai thác có thể đạt 8,25 tỷ m³/năm). Vùng ven biển Cà Mau (gồm có 6 huyện) có nguồn tài nguyên rừng phong phú, đa dạng với 2 hệ sinh thái rừng ngập mặn và rừng ngập lợ trên 145.600 ha (bằng 36,9% diện tích đất rừng vùng ĐBSCL), có điều kiện phát triển kinh tế lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản dưới tán rừng, du lịch sinh thái, nghiên cứu khoa học. Cà Mau còn có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt với 33 cửa sông lớn, nhỏ thông ra biển; cảng Năm Căn có khả năng xây dựng và phát

triển thành cảng nước sâu, tạo điều kiện cho phát triển kinh tế các vùng ven biển, phát triển kinh tế biển theo định hướng chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020 theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và phòng chống thiên tai, tạo động lực phát triển kinh tế của tỉnh.

Trong mối quan hệ của khu vực, Cà Mau là 1 trong 4 tiểu vùng kinh tế đang được quy hoạch xây dựng thành vùng kinh tế động lực của ĐBSCL; là điểm đến của một số tuyến quốc lộ và tuyến đường thủy quan trọng (như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 63, Quốc lộ Phụng Hiệp, tuyến đường thủy Cà Mau - TP.Hồ Chí Minh, Cảng hàng không Cà Mau - TP.HCM, Cảng biển Năm Căn...). Với dự án tiểu vùng Mê Kông mở rộng thì Cà Mau được xác định nằm trong hành lang phát triển phía nam (Băngkok - Phnompenn - Hà Tiên - Cà Mau), đây cũng là tuyến đường Hồ Chí Minh giai đoạn II được nối dài đến Mũi Cà Mau.

Về vị trí địa lý kinh tế, Cà Mau có lợi thế so sánh và thế mạnh quan trọng so với một số tỉnh trong vùng ĐBSCL. Trong tương lai, tỉnh Cà Mau sẽ trở thành một cực phát triển đối trọng trong vùng, có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế của toàn vùng ĐBSCL. Với dự án cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm đang được đầu tư và đưa vào sử dụng, Cà Mau sẽ thực sự trở thành một cực phát triển của tứ giác Cà Mau - Cần Thơ - An Giang - Kiên Giang. Cà Mau còn có khả năng hợp tác phát triển một số lĩnh vực với các tỉnh, thành phố trong khu vực như: liên kết khai thác du lịch lữ hành, tổ chức các tour du lịch (đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch biển đảo), đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp lao động cho các khu công nghiệp...

Lợi thế phát triển vùng kinh tế biển và ven biển là có tài nguyên biển (dầu khí, thủy hải sản, du lịch, vận tải sông biển...). Định hướng xây dựng vùng biển và ven biển trở thành “vùng kinh tế mở”, hướng mạnh phát triển ra biển, từng bước xây dựng vùng biển và ven biển trở thành vùng kinh tế động lực của tỉnh.

Dân số của tỉnh năm 2007 khoảng 1.250 ngàn người, có nguồn lao động trẻ rất dồi dào (chiếm khoảng 60% dân số), nhanh nhạy nắm bắt, thích ứng với các cơ chế kinh tế mới và những điều chỉnh của thị trường trước yêu cầu của hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

2. Dự báo cơ cấu kinh tế của tỉnh:

Hiện tại, tỷ trọng các ngành khu vực I chiếm 45, 57% trong cơ cấu kinh tế của tỉnh. Các ngành khu vực I là tiềm năng và thế mạnh kinh tế của tỉnh, trong những năm tới kinh tế nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng vì nó giải quyết việc làm cho số lượng lớn lao động nông thôn, bảo đảm an ninh lương thực thực phẩm và hàng hóa xuất khẩu. Tuy nhiên để đạt được mục tiêu tăng trưởng, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách phát triển của cả nước thì phải xây dựng một cơ cấu kinh tế hiệu quả, hiện đại và có khả năng thích nghi cao trong điều kiện hội nhập, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa phát huy được những lợi thế, tiềm năng của tỉnh, vừa phát huy được nguồn lực của tất cả các thành phần kinh tế.

Định hướng phát triển của tỉnh là ưu tiên phát triển nhanh công nghiệp và dịch vụ cho suốt thời kỳ 2007 - 2020. Tuy nhiên, bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong giai đoạn 2007 - 2010 là chậm hơn giai đoạn sau. Dự báo đến 2010 tỷ trọng các ngành khu vực I còn khoảng 39%, tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng sẽ tăng nhanh. Năm 2010 cơ cấu kinh tế của tỉnh vẫn là nông nghiệp - công nghiệp, xây dựng - dịch vụ; đến 2015 sẽ hình thành cơ cấu kinh tế: công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp và cơ cấu này được củng cố vững chắc ở những năm 2020.

Phần II

MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu chung:

Nhằm cụ thể hoá Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá X vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2007 - 2010, tập trung chỉ đạo thực hiện, tận dụng tốt cơ hội và giảm thiểu các thách thức tác động bất lợi từ khi gia nhập WTO để nền kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của khu vực và cả nước giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020. Phấn đấu đưa Cà Mau thoát khỏi diện tỉnh nghèo vào năm 2020.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong WTO có liên quan đến tỉnh.

- Tăng trưởng kinh tế ổn định, bền vững với tốc độ cao, phấn đấu đến năm 2010 giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) đạt khoảng 14.377 tỷ đồng (theo giá so sánh 1994), tốc độ tăng GDP bình quân giai đoạn 2006 - 2010 là 13,3%/năm. GDP năm 2020 đạt khoảng 53.200 tỷ đồng, gấp 3,7 lần so với dự kiến năm 2010; tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm giai đoạn 2011- 2015 là 13,7%; giai đoạn 2016 - 2020 là 14,2%.

- Quy mô GDP năm 2010 đạt khoảng 20.273 tỷ đồng, năm 2015 đạt 37.564 tỷ đồng và đến năm 2020 đạt 71.649 tỷ đồng (giá hiện hành); GDP bình quân đầu người năm 2010 đạt 962 USD, năm 2015 đạt 1.670 USD, năm 2020 đạt 3.014 USD;

- Nâng cao chất lượng phát triển, chuyển dịch cơ cấu hợp lý theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; cơ cấu chuyển dịch các ngành kinh tế năm 2010 và định hướng đến năm 2020 dự kiến:

- + Ngư - Nông - Lâm nghiệp năm 2010 chiếm 39,75% GDP, sẽ giảm xuống 28,7% vào năm 2015, còn 19,67% vào năm 2020.

- + Công nghiệp, xây dựng năm 2010 chiếm 31,96%, sẽ tăng lên 37,81% vào năm 2015 và 43,47% vào năm 2020.

+ Dịch vụ 28,29% năm 2010, sẽ tăng lên 33,48% năm 2015 và 36,9% vào năm 2020.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 2010 đạt 40.000 tỷ đồng, năm 2015 đạt 70.000 tỷ đồng và năm 2020 đạt 103.000 tỷ đồng. Tỷ lệ huy động tài chính năm 2010 khoảng 9% GDP (khoảng 1.800 tỷ đồng); năm 2015 khoảng 12% (khoảng 4.500 tỷ đồng) và năm 2020 là 15% GDP (khoảng 10.700 tỷ đồng).

- Đẩy mạnh hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn, nâng cao năng suất, chất lượng và đảm bảo vệ sinh an toàn sản phẩm nông nghiệp, tăng cường chế biến, xuất khẩu thủy sản, đặc biệt là các mặt hàng có hàm lượng giá trị gia tăng cao; phấn đấu kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 1 tỷ USD vào năm 2010, năm 2015 đạt 1,4 - 1,5 tỷ USD và năm 2020 đạt 1,8 - 2 tỷ USD.

- Năm 2010 có 90% số hộ dân được sử dụng điện, năm 2020 bảo đảm toàn bộ các hộ dân được sử dụng điện.

- Nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, hình thành đồng bộ các yếu tố kinh tế thị trường. Tập trung ưu tiên đầu tư và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nhằm tăng năng lực cho các ngành, lĩnh vực, từng bước đạt tới mặt bằng chung về điều kiện kết cấu hạ tầng của vùng ĐBSCL và cả nước. Chú trọng đầu tư hạ tầng đối với những lĩnh vực thiết yếu như: giao thông, thủy lợi, hệ thống cấp thoát nước, điện năng, hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị, các thiết chế văn hóa, giáo dục, thể thao..., trong đó lấy xây dựng hạ tầng giao thông làm khâu đột phá để phát triển kinh tế - xã hội và phát triển đô thị.

- Tiếp tục phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với tốc độ cao, đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường, tăng khả năng cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp để giữ vững và mở rộng thị trường, tạo điều kiện để tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhanh hơn, từng bước hình thành cơ cấu công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp trên địa bàn một cách vững chắc. Phấn đấu tổng giá trị sản lượng công nghiệp tăng bình quân hàng năm 18 - 19%; năm 2010 đạt khoảng 17 - 18 ngàn tỷ đồng (giá cố định 1994), năm 2015 đạt khoảng 34 ngàn tỷ đồng và năm 2020 đạt khoảng 75 ngàn tỷ đồng.

- Phấn đấu tốc độ phát triển khu vực dịch vụ cao hơn tăng trưởng chung của nền kinh tế tỉnh, duy trì mức đóng góp cao vào tăng trưởng kinh tế, tăng nhanh tỷ trọng khu vực dịch vụ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh ngang bằng với các tỉnh trong vùng ĐBSCL. Phấn đấu tăng trưởng kinh tế dịch vụ bình quân hàng năm 17%. Tăng tỷ lệ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế 37,5% giai đoạn 2007 - 2010 lên 42,5% trong giai đoạn 2011 - 2020. Số lao động được giải quyết việc làm thông qua phát triển kinh tế dịch vụ chiếm khoảng 40 - 50% tổng số lao động được giải quyết việc làm hàng năm.

- Đẩy nhanh phát triển kinh tế vùng biển và ven biển (các huyện ven biển) cao hơn so với mức tăng trưởng kinh tế chung toàn tỉnh. Trong giai đoạn 2007-2010 dự kiến có mức tăng trưởng gấp 1,1 lần; giai đoạn 2011-2020 gấp 1,2 - 1,3 lần. Tỷ trọng kinh tế biển năm 2010 chiếm khoảng 55 - 60% GDP, năm 2020 chiếm

khoảng 65 - 70% GDP toàn tỉnh. Khẩn trương quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp (Khánh An, Hòa Trung, Năm Căn, Sông Đốc), 2 đô thị trung tâm kinh tế biển (Năm Căn, Sông Đốc) và nhiều đô thị ven biển khác.

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển du lịch theo hướng bền vững nhằm thực hiện Chương trình Nghị sự 21 ở cấp địa phương, tỉnh Cà Mau. Phát triển mạnh du lịch sinh thái và du lịch biển đảo gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, an ninh quốc phòng. Liên kết phát triển du lịch vùng, trong đó gồm các tỉnh Kiên Giang, An Giang, Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh, từng bước nâng mức đóng góp của hoạt động du lịch vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh, giải quyết được nhiều việc làm cho người lao động. Phấn đấu đến 2010 đón khoảng 15 ngàn và năm 2020 khoảng 100 ngàn lượt khách quốc tế đến tham quan, du lịch tại Cà Mau.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung, xây dựng các văn bản, cơ chế chính sách do tỉnh ban hành phù hợp với luật pháp Việt Nam và các quy định của WTO có liên quan đến tỉnh Cà Mau. Thực hiện có hiệu quả cải cách hành chính, phát triển Chính phủ điện tử, chuẩn hoá và minh bạch các văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tạo ra môi trường, điều kiện thuận lợi cho các hoạt động đầu tư, sản xuất và kinh doanh phát triển.

- Tăng cường công tác quản lý và triển khai thực hiện các đề án bảo vệ tốt môi trường, bảo tồn và khai thác có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên đảm bảo phát triển bền vững. Phấn đấu đến năm 2010 đạt tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm khác khoảng 24%, năm 2020 đạt khoảng 28%; 100% dân số đô thị và 80% dân số nông thôn được sử dụng nước sạch vào năm 2010 và giải quyết cơ bản về nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt cho nhân dân vào năm 2020. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn đạt 80% vào năm 2010 và thu gom toàn bộ vào năm 2020. Đến năm 2010 toàn bộ rác thải y tế được thu gom xử lý đúng qui định.

- Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực. Phấn đấu đến năm 2010 Cà Mau thoát ra khỏi danh sách các tỉnh thuộc vùng trũng về giáo dục; có nguồn nhân lực dồi dào, đủ khả năng, điều kiện về chuyên môn, kiến thức ngoại ngữ, tin học, am hiểu luật pháp quốc tế ... Phấn đấu đạt tỷ lệ lao động xã hội qua đào tạo vào năm 2010 là 30%, năm 2020 đạt khoảng 60%.

- Đảm bảo an ninh, quốc phòng, giữ vững sự ổn định về chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường lành mạnh, yên bình phục vụ cho nhu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Phần III

NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để đạt được mục tiêu đã nêu trên, cần tập trung chỉ đạo thực hiện một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cụ thể sau:

(Có phụ lục phân giao cụ thể công việc cho các Sở, ngành tỉnh và các huyện,

thành phố kèm theo).

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin nhằm nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy của các cấp, các ngành và toàn xã hội:

1.1. Nghiên cứu, triển khai, tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến các cấp, các ngành, cán bộ công chức và toàn dân trong tỉnh về Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 4 khoá X về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Chương trình hành động của Chính phủ, của Tỉnh uỷ và Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa X) của Đảng nói trên.

1.2. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến thông tin, kiến thức hội nhập, nhằm nâng cao sự nhận thức, đổi mới tư duy của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, các ngành và toàn xã hội, bằng nhiều hình thức như: mở các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ công chức và các doanh nghiệp trong tỉnh nhất là đối với các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu; tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet; phổ biến những tài liệu về một số nội dung chủ yếu quan trọng, những hỏi đáp về các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, các văn kiện cam kết của Việt Nam khi thực hiện lộ trình gia nhập WTO.

2. Rà soát sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các cơ chế chính sách phù hợp với Luật, quy định của Chính phủ và cam kết của Việt Nam trong WTO:

2.1. Tiến hành rà soát, loại bỏ các văn bản, những quy định chồng chéo, trái luật, trái với cam kết WTO. Ban hành các quy định, chính sách mới phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi thông thoáng cho mọi chủ thể tham gia thị trường.

- Xây dựng chương trình lập quy của UBND tỉnh và trình HĐND tỉnh ban hành Nghị Quyết, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đồng thời hàng năm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện tốt các bước đúng theo quy trình trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các Sở, ngành về công tác soạn thảo, góp ý, thẩm định, kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo đúng theo quy định pháp luật Việt Nam và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Triển khai, ban hành quy định áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh theo Luật Đầu tư hiện hành.

2.3. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển các nhóm sản phẩm công nghiệp và xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, như hỗ trợ về áp dụng chuyển giao công nghệ hiện đại, công nghệ cao, cung cấp thông tin thị trường, đầu tư, quảng bá sản phẩm, thương hiệu, đào tạo, xúc tiến thương mại không trái với cam kết WTO.

2.4. Hoàn thiện và triển khai các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm để bảo vệ thị trường và người tiêu dùng.

2.5. Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển đồng bộ các yếu tố kinh tế thị trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh: thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường lao động, thị trường bất động sản.

2.6. Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; tăng quy mô và số lượng doanh nghiệp, đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại, mở rộng thị trường, phát triển thương hiệu.

2.7. Xây dựng các cơ chế chính sách nhằm phát triển các khu công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của tỉnh.

3. Xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố kinh tế thị trường:

Thúc đẩy sự hình thành và từng bước hoàn thiện các yếu tố kinh tế thị trường: thị trường lao động, tài chính, khoa học - công nghệ, bất động sản.

a) Thị trường lao động:

- Xây dựng cơ chế, chính sách xã hội hoá về giáo dục, đào tạo nghề; chú trọng việc đào tạo nghề gắn với việc trang bị kiến thức tin học, ngoại ngữ và luật pháp quốc tế để nâng cao chất lượng lao động; có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp tạo việc làm từ nguồn vốn của doanh nghiệp; khuyến khích các ngành, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động.

- Xây dựng triển khai thực hiện sàn giao dịch việc làm tại tỉnh và các vệ tinh ở huyện để hỗ trợ nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm, góp phần hình thành và củng cố thị trường lao động. Thực hiện tốt và đúng quy định về xuất khẩu lao động.

- Mở sổ sách thống kê, đăng ký lao động việc làm thường xuyên. Tạo điều kiện thuận lợi cho người có nhu cầu đến đăng ký tìm việc làm, đồng thời được tư vấn cung cấp các thông tin về thị trường lao động.

- Tổ chức các Hội chợ Thương mại lồng ghép với Hội chợ việc làm trong tỉnh nhằm tạo cơ hội gặp gỡ, tiếp xúc trực tiếp và tuyển dụng giữa doanh nghiệp và người lao động trong tỉnh; hình thành các trung tâm giới thiệu việc làm, thông tin giao dịch thị trường lao động nhằm cung cấp lao động cho các tỉnh có nhu cầu sử dụng lao động và xuất khẩu lao động. Chỉ tiêu mỗi năm giai đoạn 2006 - 2010 có khoảng 5.000 đến 6.000 lao động của tỉnh được đi làm việc tại các khu công nghiệp ngoài tỉnh và có từ 350 đến 600 lao động được đưa đi lao động ngoài nước.

b) Thị trường tài chính, tiền tệ:

- Thực hiện, vận dụng một cách linh hoạt các chủ trương, cơ chế của nhà nước đối với lĩnh vực tài chính, tiền tệ, tạo môi trường thông thoáng để các ngân hàng thương mại, các quỹ tài chính, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng có điều kiện thuận lợi đầu tư phát triển.

- Xây dựng cơ chế chính sách để huy động vốn và nguồn lực tài chính trong và ngoài nước, từng bước hình thành một số trung tâm tài chính tiền tệ ở tỉnh.

- Triển khai thanh toán điện tử liên ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt trên hệ thống ngân hàng hiện đại, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế tại các ngân hàng thương mại.

d) Thị trường bất động sản:

- Quy hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 của tỉnh; xây dựng và triển khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và tầm nhìn 2030.

- Chính lý biến động về tình hình sử dụng đất của thành phố, các huyện, phường, xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch di dời các nhà máy, cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường ra khỏi thành phố, khu dân cư theo quy định của Chính phủ và của tỉnh. Xây dựng cơ chế xã hội hóa về quỹ đất đai, giao cho các doanh nghiệp có đủ năng lực chuẩn bị quỹ đất theo quy hoạch để thực hiện các dự án đầu tư.

- Rà soát, phân loại và xây dựng các giải pháp để khai thác có hiệu quả quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước, kể cả việc xây dựng lại theo quy hoạch đối với nhà ở thuộc diện không được bán hoặc được bán nhưng những người đang ở thuê không có nhu cầu mua. Xây dựng phương án và lộ trình thực hiện giá giao đất và giá thuê đất theo cơ chế thị trường bao gồm cả giá thuê đất của các đơn vị, Công ty Nhà nước có nhu cầu.

- Tổng kiểm kê quỹ đất công đối với các cơ sở, quỹ nhà, trụ sở làm việc của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn, các tổ chức chính trị - xã hội sử dụng không đúng mục đích. Thu hồi và có kế hoạch sử dụng hiệu quả đất và nhà đang được sử dụng không đúng mục đích hoặc không được sử dụng theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng các cơ chế quản lý và đăng ký bất động sản công khai, minh bạch bảo đảm phát triển các hoạt động giao dịch bất động sản, nhằm thúc đẩy các hoạt động đầu tư và kinh doanh.

4. Đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư:

4.1. Triển khai quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Cà Mau gắn với quy hoạch phát triển Đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn 2006-2020 và tầm nhìn 2030; trên cơ sở xác định được tổng mức vốn đầu tư toàn xã hội, xây dựng cơ chế chính sách huy động mọi nguồn lực, đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư.

4.2. Hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng thành phố và các huyện; rà soát, điều chỉnh quy hoạch hợp lý, cương quyết loại bỏ các quy hoạch treo, các dự án không có khả năng tiếp tục triển khai. Công khai các quy hoạch xây dựng cho các doanh nghiệp và người dân được biết.

4.3. Sử dụng, phân bổ và quản lý nguồn vốn đầu tư của Nhà nước thật hợp lý và có hiệu quả; phối hợp với Trung ương đẩy nhanh tiến độ triển khai hoàn thành các dự án trọng điểm thuộc nguồn vốn Trung ương như Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau, tuyến Quốc lộ Cà Mau - Năm Căn, tuyến Cà Mau - Phụng Hiệp - Cần Thơ (đoạn đi qua địa bàn tỉnh Cà Mau); tập trung vốn ngân sách địa phương đầu tư các dự án, công trình trọng điểm để phát triển hạ tầng kinh tế, như giao thông, thủy

lợi nội tỉnh; cơ sở hạ tầng thiết yếu đến hàng rào các khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế, các công trình mang tính xã hội hoá...

- Ban hành các cơ chế nhằm đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư và hình thức đầu tư, kể cả thu hút đầu tư nước ngoài phát triển hạ tầng kinh tế kỹ thuật về giao thông, dịch vụ trình độ cao như tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, khoa học công nghệ, điện tử viễn thông; về thương mại, du lịch, nhất là xây dựng các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn và các khu vui chơi giải trí, các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập trong các lĩnh vực: giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá, thể dục thể thao.

4.4. Xây dựng danh mục các dự án, dữ liệu thông tin cần thiết đối với những ngành, lĩnh vực mà tỉnh có thế mạnh, lợi thế cạnh tranh, các ngành, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu để mời gọi đầu tư như: tích cực triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, kể cả trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức như tổ chức, phối hợp tổ chức và tham gia các hội thảo đầu tư; xúc tiến đầu tư kết hợp với xúc tiến thương mại, du lịch tại các cuộc hội chợ; vận động đầu tư trực tiếp, thông qua các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước nhất là bà con Việt kiều quê ở Cà Mau; xúc tiến thông qua mạng Internet, các phương tiện thông tin đại chúng...

4.5. Xây dựng nhiệm vụ cụ thể để đẩy nhanh tiến độ quy hoạch xây dựng các khu, cụm công nghiệp, trước mắt là các khu công nghiệp của tỉnh, chuẩn bị mặt bằng “sạch” và đủ điều kiện giao cho các dự án, các nhà đầu tư.

- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư trong phạm vi thẩm quyền và khả năng của tỉnh đối với các ngành, lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh, ưu tiên mời gọi đầu tư và thực hiện các chính sách hỗ trợ như: bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ áp dụng chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, thị trường, quảng bá sản phẩm và xây dựng thương hiệu...

- Xây dựng cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp có đủ điều kiện tham gia thị trường chứng khoán và đầu tư ra nước ngoài.

5. Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các doanh nghiệp và của hàng hóa, dịch vụ:

5.1. Rà soát, phân tích, đánh giá năng lực cạnh tranh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chủ lực và lợi thế cạnh tranh của tỉnh; xây dựng và triển khai chương trình nâng cao năng lực cạnh tranh, gắn với lộ trình cam kết WTO của quốc gia; phân tích đánh giá tìm ra giải pháp tối ưu để cải thiện các chỉ số thành phần của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), phấn đấu đến năm 2010 chỉ số PCI của tỉnh đạt số điểm bình quân ở mức khá.

- Phân tích, đánh giá khả năng phát triển, các yếu tố tác động, mức độ ảnh hưởng của WTO đối với nền kinh tế Cà Mau và các doanh nghiệp; đánh giá chất lượng, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, các sản phẩm hàng hoá và dịch vụ của tỉnh, khả năng tổ chức và chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế, nhất là đối với các sản phẩm chủ lực như hàng thuỷ sản xuất khẩu.

- Khẩn trương điều chỉnh, xây dựng và triển khai thực hiện các Đề án, Quy hoạch của ngành Thương mại đến năm 2020 như: Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại, Đề án phát triển thị trường nội địa, Quy hoạch phát triển hệ thống chợ, Quy hoạch phát triển hệ thống Trung tâm thương mại, siêu thị, Quy hoạch mạng lưới kinh doanh xăng dầu, Chương trình xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ...

5.2. Hoàn thành việc tổ chức, sắp xếp các doanh nghiệp Nhà nước vào năm 2009, thực hiện tốt việc cổ phần hóa các doanh nghiệp, phát huy vai trò tự chủ của các doanh nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp tái cấu trúc lại doanh nghiệp; phát triển, tổ chức và nâng cao hoạt động của các hiệp hội ngành nghề, ngành hàng và các hợp tác xã.

- Xây dựng đề án nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Cà Mau nhằm phát huy lợi thế khi gia nhập WTO.

- Đầu tư đổi mới công nghệ và mở rộng quy mô phát triển sản xuất, để tạo ra hàng hóa có khối lượng lớn, các nhóm sản phẩm có hàm lượng công nghệ, giá trị xuất khẩu và sức cạnh tranh cao.

5.3. Xây dựng cơ chế gắn kết giữa người nông dân sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp để hợp tác sản xuất và hạn chế những rủi ro trong kinh doanh, đặc biệt là trong tranh chấp thương mại...

5.4. Cung cấp các thông tin dự báo về thị trường. Thiết lập mối quan hệ giữa tỉnh Cà Mau (các doanh nghiệp) với Thương vụ Việt Nam tại một số nước là thị trường truyền thống cũng như thị trường tiềm năng như: Nhật, Mỹ, EU, Úc, Hàn Quốc... để cung cấp thông tin kịp thời và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết hợp với xúc tiến du lịch, đầu tư. Tiếp tục duy trì và tổ chức tốt cho các doanh nghiệp tham gia các hội chợ thương mại quốc tế và trong nước để tìm kiếm đối tác và khai thác thị trường...

5.5. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về sở hữu trí tuệ, tổ chức triển khai các giải pháp chống hàng giả, hàng lậu; giải pháp chống bơm chích tạp chất vào nguyên liệu thủy sản, nghiêm cấm việc sử dụng các hoá chất độc hại, dư lượng kháng sinh trong khâu chế biến, bảo quản sản phẩm, hàng hoá để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tạo uy tín với khách hàng.

- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp áp dụng quy trình sản xuất hiện đại, hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của thị trường và nâng cao giá trị của hàng hoá.

5.6. Phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với tốc độ cao, đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường, tăng khả năng cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp để giữ vững và mở rộng thị trường, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế Công nghiệp - Dịch vụ - Nông nghiệp. Phát triển kết cấu hạ tầng cho công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trong đó có đầu tư phát triển lưới điện giai đoạn 2010 - 2020.

- Xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công nghiệp giai đoạn 2008

- 2020; xây dựng đề án đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành Công nghiệp địa phương, xác định sản phẩm chủ yếu của ngành Công nghiệp.

- Xây dựng chiến lược tổng thể phát triển các ngành sản xuất hàng hóa; xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng lao động không yêu cầu trình độ, kỹ năng cao chuyển về nông thôn hoặc đầu tư ở nông thôn. Lập dự án khảo sát, điều tra, phân tích, tổng hợp dữ liệu, thông tin, phân tích khả năng cạnh tranh của các sản phẩm công nghiệp.

5.7. Phát triển hạ tầng giao thông thủy, bộ và hàng không:

- *Giao thông đường bộ*: tranh thủ sự hỗ trợ của Trung ương đầu tư xây dựng, nâng cấp các tuyến Quốc lộ đi qua địa bàn tỉnh để kết nối với các tỉnh khác trong vùng và cả nước như: Quốc lộ 1A, Quốc lộ 63, tuyến đường Quản lộ Phụng Hiệp - Cà Mau, đường Hồ Chí Minh giai đoạn II, tuyến đường Hành lang ven biển phía Tây; tuyến đường Hồ Chí Minh (đoạn từ Năm Căn đến Đất Mũi). Đến 2010 hoàn thành các trục giao thông, các tuyến đường từ tỉnh đến trung tâm huyện và liên huyện, đến các cụm kinh tế ven biển gồm: Tắc Thủy - Rạch Ráng - Sông Đốc; Cái Nước - Vàm Đình - Cái Đôi Vàm; Cầu Lương Thế Trân - Hòa Trung - Đầm Dơi; Cái Nước - Chà Là - Đầm Dơi; xây dựng nền đường các tuyến Đầm Dơi - Tân Thuận; Đầm Dơi - Vàm Đầm - Hố Gù.

- *Giao thông đường thủy* (sông và sông - biển kết hợp): nâng cấp cải tạo các tuyến đường thủy kết hợp với xây dựng các bến xếp dỡ, bến tàu xe liên hợp, trong đó có một số tuyến đường thủy quốc gia như: Cà Mau - thành phố Hồ Chí Minh; cải tạo một số tuyến đường sông khác như tuyến: Sông Đốc, sông Bảy Háp, tuyến Cà Mau - Bạc Liêu... Điều chỉnh hướng một số tuyến tránh đi qua nội ô thành phố Cà Mau (tuyến Chác Bàng - Sông Trẹm - Tắc Thủy - Lương Thế Trân - Gành Hào; tuyến Bạc Liêu - Tắc Vân - Cái Su - Gành Hào). Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống cảng sông, cảng biển Năm Căn và hệ thống bến bãi đáp ứng yêu cầu vận chuyển hành khách, hàng hóa.

- *Đường hàng không*: mở rộng, nâng cấp Cảng hàng không Cà Mau để đảm bảo cấp dân dụng 4C và quân sự cấp II; đến năm 2015 nối dài đường hạ cánh, cất cánh đảm bảo tiếp nhận được máy bay A320 - A321 và tương đương. Khôi phục sân bay nhỏ ở Đảo Hòn Khoai và thị trấn Năm Căn phục vụ cho thăm dò khai thác dầu khí, du lịch và các mục tiêu Quốc phòng, An ninh.

6. Cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, bộ máy hành chính, đổi mới và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức:

6.1. Rà soát lại các loại thủ tục hành chính và loại bỏ các loại giấy tờ, giấy phép, thủ tục gây phiền hà đến tổ chức và công dân có quan hệ làm việc. Công bố công khai, minh bạch mọi cơ chế, chính sách quản lý, quy trình tác nghiệp của các cơ quan nhà nước; triển khai áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông đối với tất cả các cơ quan, đơn vị hành chính trong tỉnh, nhằm giúp các tổ chức công

dân giảm các chi phí giao dịch và dự báo trước về những thay đổi điều chỉnh chính sách và các quy định chung của Chính phủ và của tỉnh.

6.2. Xây dựng kế hoạch từng bước tin học hóa trong các công sở hành chính nhà nước, nhằm hỗ trợ giải quyết các thủ tục hành chính như thủ tục của hải quan, các thủ tục nộp thuế, hoàn thuế VAT, cấp giấy chứng nhận đầu tư, cấp phép thành lập văn phòng đại diện nước ngoài; hoàn chỉnh mạng thông tin liên kết giữa tỉnh với các ngành, địa phương và giữa các ngành địa phương với nhau, đặc biệt đối với các ngành có liên quan trong cấp phép kinh doanh, cấp chứng nhận đầu tư, cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà, quyền sử dụng đất, cấp phép xây dựng... Xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 tại tất cả các cơ quan hành chính của tỉnh.

6.3. Sắp xếp lại hoạt động các cơ quan quản lý nhà nước theo hướng đa ngành, đa lĩnh vực và hiệu quả, tránh sự chồng chéo. Trước hết là khẩn trương làm tốt công tác sáp nhập một số sở, ngành theo quy định của Chính phủ. Hoàn thiện tổ chức và cơ chế hoạt động của các cơ quan quản lý trong việc xử lý các vấn đề liên quan đến tranh chấp thương mại và quản lý ổn định thị trường, kiểm tra, kiểm soát thị trường trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế.

Hoàn thiện quy định trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm cán bộ, công chức. Đào tạo và bồi dưỡng nâng cao chất lượng cán bộ, công chức hiện có; xây dựng cơ chế tuyển chọn cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ, am hiểu luật pháp quốc tế để làm công tác có liên quan đến hoạt động đối ngoại và các hoạt động xúc tiến thương mại - du lịch và đầu tư đáp ứng nhu cầu hội nhập.

6.4. Các cấp, các ngành trong phạm vi thẩm quyền, có trách nhiệm cải tiến phương pháp, lề lối làm việc, xây dựng văn hoá công sở, môi trường làm việc văn minh, hiệu quả tại các cơ quan nhà nước ở các cấp.

7. Phát triển nguồn nhân lực:

7.1. Rà soát, đánh giá trình độ, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ các cấp trong tỉnh, xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại, đào tạo kỹ năng thi hành công vụ, tin học, ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức; hình thành đội ngũ cán bộ, công chức có đủ năng lực, chuyên nghiệp và hiện đại.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức hành chính và cán bộ, công chức cấp xã để nâng cao kiến thức và năng lực quản lý, điều hành, thi hành công vụ, tận tụy phục vụ đất nước và phục vụ nhân dân trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu cho cán bộ quản lý các cấp, lãnh đạo các hiệp hội, lãnh đạo các doanh nghiệp, các nhà chuyên môn, các nhà khoa học, cán bộ làm việc tại các văn phòng luật sư... về các vấn đề pháp lý, cam kết quốc tế, công bằng thương mại... để nâng cao khả năng ứng phó với các vấn đề tranh chấp thương mại. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ Luật sư am hiểu luật pháp quốc tế,

có khả năng tham gia tranh tụng quốc tế, giỏi ngoại ngữ để xử lý các tranh chấp trong quá trình thực thi các cam kết WTO.

- Tăng cường công tác đào tạo sau đại học tại nước ngoài (chương trình Mê Kông 120), nhằm đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đầu ngành của tỉnh có chất lượng và trình độ đạt chuẩn quốc tế.

- Triển khai cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, không chỉ bằng chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ mà cả cơ hội cho họ làm việc, thăng tiến nhằm thu hút những người có trình độ chuyên môn cao trong và ngoài nước tham gia vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Cà Mau.

- Làm tốt công tác quy hoạch đề bạt cán bộ, công tác tuyển dụng, thi tuyển công chức, viên chức để bổ sung cán bộ hàng năm.

7.2. Xây dựng giải pháp mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, công nhân kỹ thuật tại các trường chuyên nghiệp trong tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010 tỷ lệ đào tạo lao động xã hội đạt 30% và 60% vào năm 2020 có khả năng đáp ứng được nhu cầu lao động trong tỉnh và xuất khẩu.

7.3. Xây dựng và thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh theo sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, từ nay đến năm 2010 nhanh chóng đưa Cà Mau thoát khỏi danh sách các tỉnh thuộc “vùng trũng” về giáo dục, từng bước đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực cho đất nước nói chung và địa phương nói riêng. Trong đó cần tập trung vào một số nội dung chính sau đây:

- Phát triển đồng bộ giữa các ngành học, cấp học, bậc học; đến năm 2010, số trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo trước khi vào lớp 1 đạt 90%, tỷ lệ học sinh tiểu học trong độ tuổi 6-10 đến trường đạt 95%; tỷ lệ học sinh trung học cơ sở trong độ tuổi 11-14 đến trường đạt 85%; tỷ lệ học sinh trung học phổ thông trong độ tuổi 15 - 17 đến trường đạt 40%. Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở trong năm 2008, tiến tới phổ cập giáo dục bậc trung học vào các năm tiếp theo.

- Đổi mới công tác quản lý giáo dục, hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý giáo dục ở các cấp; phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đạt chuẩn về chất lượng. Phấn đấu đến năm 2010 có 100% giáo viên của tất cả các ngành học, cấp học đạt chuẩn đào tạo. Trong đó, có 20% giáo viên tiểu học đạt trình độ từ cao đẳng sư phạm trở lên, 30% giáo viên trung học cơ sở có trình độ đại học, 10% giáo viên trung học phổ thông có trình độ sau đại học; 100% giáo viên các trường chuyên nghiệp có trình độ đại học, trong đó 40% có trình độ sau đại học.

- Nâng cao chất lượng, chống mọi biểu hiện bệnh thành tích, tiêu cực trong giáo dục. Phấn đấu đến năm 2010 số sinh viên đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp đạt bình quân 120 người/1 vạn dân.

- Đẩy mạnh xã hội hoá sự nghiệp giáo dục - đào tạo nhằm tạo nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác phát triển giáo dục. Xây dựng cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển trường

đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề trong các ngành kỹ thuật - công nghệ, luật quốc tế, quản trị doanh nghiệp... theo các loại hình dân lập và tư thục.

8. Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn:

Nông nghiệp và nông thôn là lĩnh vực nhạy cảm, dễ bị tác động trong quá trình hội nhập. Tỉnh Cà Mau có 80% dân số sống ở nông thôn và 70% lao động làm việc tại nông thôn và các ngành khu vực I.

Trong quy hoạch phát triển kinh tế của tỉnh Cà Mau từ nay đến 2010, kinh tế nông nghiệp vẫn được xác định giữ vai trò chủ đạo chiếm 40% trong cơ cấu GDP (công nghiệp - xây dựng 32%, dịch vụ 28%), trong đó kinh tế thuỷ sản vẫn là ngành mũi nhọn của tỉnh.

Đến năm 2010, kinh tế ngư - nông - lâm của tỉnh phấn đấu đạt tổng giá trị hàng hoá là 8.027 tỷ đồng, sản lượng lúa 500.000 tấn, thuỷ sản 390.000 tấn và kim ngạch xuất khẩu là 1 tỷ USD. Để đạt được các chỉ tiêu trên, cũng như từng bước hiện đại hoá nông nghiệp và phát triển nông thôn. Cần tập trung chỉ đạo thực hiện:

8.1. Rà soát điều chỉnh và làm tốt công tác quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh giai đoạn 2006-2010 và giai đoạn 2011-2020 phù hợp với Chiến lược phát triển của cả nước và khu vực Đồng bằng sông Cửu Long trong giai đoạn mới.

8.2. Khẩn trương hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nông nghiệp đến năm 2015 và định hướng năm 2020; trong đó cần tăng cường đầu tư phát triển sản xuất theo hướng thâm canh, đa canh, chú trọng sản xuất các loại sản phẩm có chất lượng cao, khuyến khích phát triển mô hình kinh tế trang trại, sản xuất gắn với bảo vệ môi trường đảm bảo ổn định, bền vững lâu dài. Quy hoạch, lựa chọn cây giống, con giống phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, điều kiện canh tác từng vùng.

- *Về nông nghiệp*: tập trung phát triển cây, con nước ngọt ở các huyện Thới Bình, U Minh và một số xã huyện Trần Văn Thời, một phần thành phố Cà Mau như cây lúa, mía, cây ăn trái kết hợp với nuôi trồng thuỷ sản nước ngọt và nước lợ. Đối với các vùng còn lại phát triển lúa luân canh trên đất tôm kết hợp trồng hoa màu để nâng cao hiệu quả trên 1 đơn vị diện tích, tăng thu nhập, giải quyết thực phẩm tại chỗ cũng như tăng độ che phủ cho đất.

- *Lâm nghiệp*: tập trung triển khai thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng, gắn với phát triển du lịch sinh thái rừng ngập nước. Khuyến khích, nhân rộng mô hình nuôi các loài thủy sản, vật nuôi phù hợp dưới tán rừng, nhằm nâng cao hiệu quả, tăng độ che phủ, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Thực hiện việc giao đất, giao rừng cho dân, đảm bảo ổn định và phát triển rừng, nâng cao đời sống nhân dân vùng rừng, sắp xếp lại các Công ty Lâm nghiệp theo hướng hợp nhất tập trung đầu mối.

8.3. Hoàn thành Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thủy sản đến năm 2020. Mục tiêu chung là phát triển thủy sản cân đối, hợp lý giữa nuôi trồng, khai thác, chế biến, xuất khẩu và trở thành một ngành sản xuất hàng hoá lớn, có năng suất chất lượng cao, đa dạng về sản phẩm, là mặt hàng có thế mạnh về xuất khẩu và thị trường nội địa, giữ vững vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

- *Về nuôi trồng*: phát triển nuôi thủy sản ở tất cả các loại mặt nước, trong đó nuôi tôm nước lợ là chủ yếu kết hợp với nhiều loại thủy sản có giá trị cao; tổ chức hình thức nuôi chủ yếu là quảng canh cải tiến đúng quy trình kỹ thuật năng suất cao kết hợp với nuôi tôm sinh thái để đảm bảo tính ổn định, bền vững. Có chính sách khuyến khích phát triển nuôi tôm công nghiệp với quy mô lớn tại những vùng có đủ điều kiện. Từng bước khôi phục và phát triển nghề nuôi cá đồng ở những vùng nước ngọt.

- *Về khai thác đánh bắt*: đầu tư phát triển khai thác, đánh bắt xa bờ, có chính sách hỗ trợ chuyển dịch nhanh nghề khai thác ven bờ, nhằm khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản. Tăng cường công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản nhất là trong tuyến bờ và các loài thủy sản quý hiếm.

8.4. Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích các mô hình hợp tác xã, xây dựng mối liên kết giữa các hộ nông dân cùng sản xuất ngành nghề với nhau, giữa doanh nghiệp chế biến và nông dân, khuyến khích nông dân tham gia mua cổ phần tại các nhà máy chế biến thủy sản, Nhà máy đường Thới Bình nhằm tạo ra vùng nguyên liệu lớn, đảm bảo chất lượng, vệ sinh an toàn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, chế biến, ổn định giá cả, đảm bảo lợi ích hài hoà giữa doanh nghiệp và tăng thu nhập cho nông dân.

8.5. Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các cơ sở giết mổ, chế biến công nghiệp quy mô lớn có sản phẩm tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu. Xây dựng đề án phát triển du lịch cộng đồng, thực hiện có hiệu quả giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

8.6. Thành lập các trung tâm dạy nghề hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề cho nông dân khi có chính sách thu hồi đất để phát triển kinh tế – xã hội. Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho các doanh nghiệp, khuyến khích các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương để tạo thêm việc làm tại chỗ, góp phần giảm bớt áp lực dôi dư lao động ở nông thôn.

8.7. Điều chỉnh, sửa đổi các quy định nhằm giảm tối đa các khoản đóng góp của nông dân, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với nông dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (không trái với các quy định của cam kết WTO).

8.8. Xây dựng Quy hoạch chung thành phố Cà Mau (điều chỉnh) theo tiêu chí Đô thị loại II; Quy hoạch thị trấn Sông Đốc, thị trấn Năm Căn (điều chỉnh) theo tiêu chí Đô thị loại IV, định hướng Đô thị loại III và quy hoạch các thị trấn, trung tâm các huyện khác cho phù hợp tình hình mới trong điều kiện Việt Nam là thành viên của WTO. Ban Quản lý các khu công nghiệp nhanh chóng hoàn thành Quy

hoạch các khu công nghiệp của tỉnh đến năm 2015; triển khai nhanh tiến độ xây dựng Khu công nghiệp Khánh An, Hoà Trung, Sông Đốc, Năm Căn...

8.9. Huy động mọi nguồn lực để tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng vùng nông thôn như hệ thống đường, điện, trạm, trường, các trung tâm vui chơi giải trí, các chợ đầu mối, nhất là đối với các xã vùng sâu, các vùng có đông đồng bào dân tộc Khơ Me.

9. Giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội và các vấn đề xã hội:

a) *Y tế và chăm sóc sức khoẻ người dân*: tăng cường đầu tư, từng bước hiện đại hoá các bệnh viện, trung tâm y tế từ tuyến tỉnh đến huyện; hoàn thiện hệ thống y tế cấp cơ sở nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả khám chữa bệnh và chăm sóc sức khoẻ của người dân, nhất là công tác chăm sóc sức khoẻ sinh sản, người già, người tàn tật, gia đình chính sách và những người có công với cách mạng. Chủ động phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả và khống chế sự lây lan của các loại dịch bệnh nguy hiểm.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá về y tế và chăm sóc sức khoẻ người dân. Tăng cường vận động tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, phấn đấu năm 2010 có 80% dân số tham gia đóng bảo hiểm y tế. Khuyến khích phát triển gắn liền với quản lý chặt chẽ các dịch vụ y tế khám chữa bệnh tư nhân. Tăng cường các hoạt động thu hút đầu tư thành lập các bệnh viện tư nhân, các trung tâm chẩn đoán điều trị có chất lượng cao.

- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế từ nay đến năm 2010 và các năm tiếp theo. Phấn đấu đến năm 2010 tuổi thọ trung bình của người dân trong tỉnh đạt 72 tuổi; giảm tỷ lệ chết mẹ liên quan tới thai sản xuống còn 15/100.000; tỷ lệ trẻ chết dưới 1 tuổi dưới 15/1.000; trẻ em chết dưới 5 tuổi 25/1.000; trẻ em suy dinh dưỡng xuống 16%. Bình quân có 6 bác sỹ/1 vạn dân. Tập trung xây dựng dự án lò đốt rác, xử lý chất thải y tế (gồm chất thải rắn, lỏng) cho các bệnh viện đa khoa khu vực, huyện.

b) *Công tác xóa đói giảm nghèo*: tiến tới xóa nghèo, thực hiện tốt chiến lược tăng trưởng kinh tế - xã hội đi đôi với xóa đói giảm nghèo. Xây dựng cơ chế, thường xuyên theo dõi đánh giá những tác động tiêu cực của WTO đối với xã hội như: nguy cơ phá sản doanh nghiệp, nông dân mất đất sản xuất, tình trạng thất nghiệp và sự phân cách giàu nghèo giữa các khu vực dân cư, giữa nông thôn và thành thị...

- Xây dựng chương trình kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị số 22/CT-TU của Tỉnh ủy, đẩy mạnh tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2006-2010 với mục tiêu hạn chế khoảng cách thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo, khuyến khích các hình thức làm giàu hợp pháp, không có hộ dân bị đói, mỗi năm giúp ít nhất 5.000 hộ thoát nghèo, giảm nhanh tỷ lệ nghèo xuống dưới 10% vào năm 2010, còn 5% vào năm 2012, hạn chế không để tái nghèo và cơ bản giải quyết xong tình trạng hộ nghèo vào năm 2020.

- Chú trọng công tác đào tạo dạy nghề, nâng cao trình độ dân trí gắn với giải

quyết việc làm; hỗ trợ tín dụng và tạo điều kiện cho hộ nghèo có điều kiện phát triển sản xuất để xóa đói giảm nghèo bền vững.

- Huy động các nguồn lực, tổ chức sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách, xây dựng cơ chế, chính sách miễn giảm, ưu tiên để người nghèo có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ và điều kiện cơ bản như y tế, nhà ở, học hành... kết hợp chỉ đạo xóa đói giảm nghèo hộ dân cư với tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng cơ sở thiết yếu như đường giao thông, lưới điện, thủy lợi, hệ thống cung cấp nước sạch... xóa dần ấp, khóm nghèo, xã nghèo, nhất là các xã, vùng đồng bào dân tộc Khơ Me.

- Giải quyết việc làm cho lao động xã hội từ 2006-2020 là: 385.000 lao động, trong đó: giai đoạn 2006 - 2010 bình quân hàng năm có từ 25 đến 26 ngàn lao động, giai đoạn 2011 - 2015 từ 26 đến 27 ngàn lao động, giai đoạn 2016 - 2020 từ 25 đến 26 ngàn lao động. Giảm nhanh tỷ lệ lao động không có việc làm: đến 2010 còn 4 - 5%, đến 2015 còn 3 - 4%. Dạy nghề cho 267.000 lao động, trong đó: nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo dạy nghề đến 2010 lên 30%, đến 2015 lên 40% và 2020 lên 50%.

- Đào tạo nguồn lao động để cung ứng các khu công nghiệp trong, ngoài tỉnh từ nay đến 2020 bình quân mỗi năm khoảng 7.000 - 8.000 lao động. Đưa lao động đi làm việc ngoài nước giai đoạn 2006 - 2020 bình quân từ 500 - 1.000 lao động.

c) Về bảo trợ an sinh xã hội và chính sách bảo hiểm xã hội: tăng chi nguồn ngân sách hàng năm, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo trợ xã hội, nhằm tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội ở địa phương. Thành lập các quỹ hỗ trợ nhân đạo để giúp đỡ những đối tượng bị rủi ro, rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như gặp thiên tai, hoả hoạn, bệnh hiểm nghèo... Năm 2008 triển khai thực hiện chính sách BHXH toàn dân và triển khai thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp theo quy định.

Chuẩn bị tạo điều kiện để triển khai thực hiện Luật qui định chế độ bảo hiểm xã hội toàn dân vào đầu năm 2008, với mục tiêu đến 2010 có 20% và đến năm 2012 có khoảng 30% dân cư có tham gia BHXH tự nguyện. Đồng thời triển khai thực hiện chế độ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động vào năm 2010. Nhằm tạo hành lang pháp lý, tăng cường mạng lưới an sinh xã hội; bảo vệ người lao động khi các doanh nghiệp thiếu khả năng cạnh tranh dẫn đến phá sản và thất nghiệp.

10. Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:

10.1. Xây dựng quy hoạch sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên: đất đai, nguồn nước, tài nguyên rừng... một cách hợp lý đảm bảo sự phát triển bền vững. Nâng cao khả năng phòng tránh hạn chế những tác động xấu của con người, thiên tai, ứng cứu kịp thời các sự cố về môi trường.

- Tăng cường nâng cao năng lực quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, củng cố bộ máy tổ chức, đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động. Tăng cường năng lực kiến thiết đô thị, cơ sở hạ tầng về bảo vệ môi trường để giải quyết các vấn đề: rác thải, hệ thống thoát nước, vệ sinh công cộng ở thành phố, các thị trấn huyện lỵ, các chợ và cụm dân cư có mật độ cao. Đến năm 2010: có 100% số tuyến đường

chính ở các đô thị phải có thùng rác công cộng, 90% số hộ dân có thùng đựng rác; 100% các đô thị đều có bãi chôn rác; 100% số bệnh viện có lò đốt rác đảm bảo tiêu chuẩn; xử lý triệt để các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm.

- Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực môi trường phù hợp với tình hình thực tế và đặc thù của địa phương để hạn chế tình trạng bất cập trong công tác quản lý.

- Xây dựng Quy hoạch môi trường và lồng ghép quy hoạch môi trường vào các quy hoạch phát triển, hoàn thiện quy hoạch môi trường ở các huyện, thành phố, xác định các phân khu chức năng để ổn định lâu dài: khu công nghiệp tập trung, khu tiểu thủ công nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên và hệ sinh thái, khu vực nhạy cảm, khu dân cư, khu phòng hộ và phòng tránh thiên tai... làm cơ sở phát triển bền vững.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, phát động phong trào thi đua bảo vệ môi trường, đẩy mạnh xã hội hoá hoạt động bảo vệ môi trường (phối hợp liên ngành). Triển khai việc giáo dục môi trường trong các trường học, cấp học trong tỉnh.

- Tiến hành quy hoạch các Khu công nghiệp (đặc biệt là khu công nghiệp có mùi) và di dời các cơ sở sản xuất ra khỏi khu dân cư để hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường. Ban hành các quy định xử lý cụ thể để giải quyết dứt điểm tình trạng gây ô nhiễm nghiêm trọng, kéo dài ở các doanh nghiệp chế biến thủy sản, các cơ sở chăn nuôi, giết mổ tập trung, cơ sở giống động vật... trên địa bàn tỉnh gây ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của người dân.

- Tăng cường năng lực thu gom, vận chuyển, quản lý và xử lý rác thải sinh hoạt. Thu gom, xử lý chất thải công nghiệp bao gồm nước thải, chất thải rắn, khí thải, chất thải y tế nguy hại ở các cơ sở chế biến thủy sản xuất khẩu, nhà máy đường, cụm công nghiệp Khí - Điện - Đạm, sản xuất dược phẩm, các bệnh viện, trung tâm y tế, cơ sở điều trị, khám chữa bệnh, các loại hình sản xuất khác có nguy cơ gây ô nhiễm cao... đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng mới hệ thống cấp nước cho khu dân cư nông thôn, thực hiện xóa cầu tiêu trên sông, kiểm soát hoạt động chăn nuôi ven sông, ô nhiễm hoạt động sản xuất, mua bán trên sông, ven sông; kiểm soát chất lượng nguồn nước, phòng chống ô nhiễm nguồn nước ngầm.

- Quản lý lưu vực và bảo vệ nguồn lợi thủy sản: xây dựng và triển khai các đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông, ngăn ngừa, hạn chế và kiểm soát ô nhiễm biển; sắp xếp lại hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ, khai thác hợp lý tài nguyên và nguồn lợi của biển, tránh làm cạn kiệt tài nguyên biển; kiểm soát việc xả thải của các tàu thuyền, tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường cho các ngư dân để hạn chế gây ô nhiễm môi trường biển, ven biển.

- Bảo tồn đa dạng sinh học ở khu bảo tồn thiên nhiên, Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, Vườn Quốc gia U Minh Hạ, Công ty Lâm nghiệp 184, khu bãi bồi. Ngăn chặn

quá trình suy thoái các hệ sinh thái đặc thù đã tạo nên thế mạnh kinh tế của tỉnh (hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển, hệ sinh thái ngập nước nội địa, hệ sinh thái cửa sông).

- Tăng cường năng lực dự báo, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố môi trường (phòng chống tràn dầu, sạt lở đất ven sông, ven biển, rò rỉ hóa chất độc hại...), giảm nhẹ thiệt hại. Trang bị hệ thống cảnh báo sớm các sự cố môi trường bao gồm hệ thống máy móc thiết bị, chương trình nghiên cứu, thiết lập cơ sở dữ liệu... ở vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai, sự cố môi trường.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đề tài, dự án về môi trường: xúc tiến xây dựng trạm quan trắc môi trường tỉnh, kho chứa chất thải nguy hại, dự án thông tin địa lý GIS phục vụ quản lý môi trường. Xây dựng mới các dự án điều tra, thống kê các nguồn thải, chất thải, lượng phát thải và đánh giá sức chịu tải của môi trường; dự án đánh giá, dự báo và cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường...

10.2. Các ngành, các cấp chính quyền địa phương phải tổ chức theo dõi, quản lý tốt việc sử dụng đất đai tài nguyên theo đúng quy hoạch, không để tình trạng các hộ nông dân, các hộ sản xuất vi phạm quy hoạch đất đai, môi trường; nhất là đối với tình trạng mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản làm xâm hại quy hoạch vùng trồng lúa, rừng và các cây con nước ngọt. Có các chế tài xử phạt nghiêm đối với những trường hợp vi phạm trật tự đô thị và các nhà máy, các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, phá hoại môi trường.

10.3. Vận động toàn dân tham gia bảo vệ, giữ gìn môi trường, bảo vệ cảnh quan đô thị, bảo tồn thiên nhiên. Xây dựng chính sách khuyến khích các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sản xuất sạch trong các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, du lịch.

10.4. Xây dựng cơ chế thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường đô thị, xây dựng dự án cung cấp nước sạch, xử lý nước thải các khu đô thị, khu công nghiệp, xử lý chất thải rắn, chất thải y tế...

11. Bảo vệ, phát huy những giá trị văn hóa dân tộc:

Mở cửa thị trường gắn với sự chuyển dịch lao động, sự bùng nổ thông tin trong thời hội nhập dẫn đến sự giao lưu văn hoá có những yếu tố tốt đẹp, những tinh hoa văn hoá của thế giới cần tiếp thu, học tập; nhưng cũng có các yếu tố xa lạ, độc hại làm xói mòn bản sắc văn hóa, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, các yếu tố này tác động mạnh mẽ đến một bộ phận dân cư đặc biệt là lớp trẻ. Vì vậy, để bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá dân tộc cần:

11.1. Tăng cường công tác quản lý Nhà nước, công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động văn hoá, các cơ sở, đơn vị phát hành sách, văn hoá phẩm, các cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet; xử lý nghiêm sự xâm nhập của các sản phẩm, dịch vụ văn hóa phương hại đến giá trị văn hóa truyền thống và cuộc sống của người dân.

11.2. Tổ chức tuyên truyền để người dân hiểu và tự giác thực hiện nếp sống văn minh đô thị, các giá trị văn hoá dân tộc; xây dựng các khu dân cư, khóm ấp, gia

đình văn hoá, nhân rộng các điển hình văn hoá tiêu biểu. Phấn đấu đến năm 2010 có 95% số hộ gia đình, 85% số xóm ấp, 55% số xã và có từ 1-2 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn văn hóa. Đến 2015 có 60-65% số xã, phường và 2-3 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn văn hóa.

11.3. Hoàn chỉnh quy hoạch phát triển mạng lưới các cơ sở văn hóa. Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch đầu tư xây dựng các trung tâm văn hoá, thể thao của tỉnh và các huyện. Phấn đấu đến năm 2010 các huyện, thành phố đều có trung tâm văn hóa, thể thao; 50% số xã, phường, thị trấn có trung tâm văn hóa, thể thao. Sau năm 2010 tiếp tục đầu tư giai đoạn II các trung tâm văn hóa, thể thao cấp huyện. Xây dựng chính sách bảo tồn, tôn tạo các khu di tích lịch sử, các công trình văn hoá tiêu biểu và phát huy tác dụng các giá trị văn hóa tiên tiến.

11.4. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hóa; hỗ trợ đầu tư, tài trợ xây dựng các công trình văn hóa nghệ thuật, các hoạt động sáng tác. Khuyến khích khơi dậy các loại hình văn hoá dân gian, tổ chức tốt các lễ hội truyền thống có ý nghĩa giáo dục và nhân văn.

11.5. Nâng cao chất lượng tuyên truyền, thường xuyên cải tiến đổi mới nội dung phát thanh truyền hình của địa phương.

Sở Văn hoá - Thông tin chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng, các địa phương xây dựng chương trình kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện các giải pháp nêu trên.

12. Bảo đảm an ninh, quốc phòng:

12.1. Công an tỉnh chủ trì triển khai các biện pháp nghiệp vụ nắm tình hình, kịp thời phát hiện những vấn đề liên quan đến an ninh trật tự, âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng chính sách đổi mới, hội nhập để xâm nhập, hướng lái nền kinh tế đi lệch hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ động có đối sách, không để bị động bất ngờ trước mọi âm mưu chống phá cách mạng của các thế lực thù địch.

12.2. Cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, cơ quan, đơn vị chủ động có kế hoạch làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền nâng cao cảnh giác và ý thức đấu tranh phòng chống tội phạm cho mọi đối tượng trong xã hội.

12.3. Xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các lĩnh vực về xuất nhập cảnh, quản lý người nước ngoài, quản lý các Văn phòng đại diện nước ngoài, các hoạt động đối ngoại, quản lý văn hóa và các dịch vụ văn hóa, du lịch, tôn giáo, an ninh nông thôn, quản lý dân cư..

12.4. Hoàn thiện cơ chế hoạt động, phối hợp giữa các ngành, các lực lượng, các cấp trong bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng ngành, từng lực lượng, từng cấp. Xây dựng lực lượng phòng chống tội phạm công nghệ cao.

12.5. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xây dựng kế hoạch an ninh, quốc phòng toàn dân, tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát,

quản lý, bảo vệ an ninh trật tự để bảo vệ vững chắc chủ quyền vùng biển, đảo, đất liền tỉnh Cà Mau và của Tổ quốc.

PHẦN IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Xúc tiến thành lập Ban chỉ đạo Hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh; căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chỉ đạo xây dựng chương trình hành động của đơn vị, địa phương, cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hàng năm. Đối với những nhiệm vụ không phải triển khai theo đề án, chương trình, cần được tổ chức triển khai ngay để bảo đảm thực hiện một cách kịp thời và có hiệu quả những nội dung của Kế hoạch hành động này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ hàng quý phải báo cáo UBND tỉnh về kết quả thực hiện. Đề xuất với UBND tỉnh những nội dung cần sửa đổi và bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

3. Giám đốc Sở Thương mại, Chánh Văn phòng UBND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này của các sở, ngành, các huyện, thành phố và cộng đồng doanh nghiệp, định kỳ báo cáo và kiến nghị với UBND tỉnh về các biện pháp cần thiết, bảo đảm Kế hoạch được thực hiện hiệu quả và đồng bộ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Bùi Công Bửu

PHỤ LỤC
NHỮNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐỂ TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA
UBND TỈNH CÀ MAU VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH ỦY VÀ CHÍNH PHỦ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-UBND ngày 02 tháng 4 năm 2008 của UBND tỉnh Cà Mau)

Nhiệm vụ (vấn đề, giải pháp)	Cơ quan /đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp	Sản phẩm đầu ra	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
I- Tuyên truyền, phổ biến thông tin:				
1- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt đến các cấp, các ngành, đến toàn thể cán bộ công chức và nhân dân trong tỉnh về Nghị quyết lần thứ 4 khoá X của Ban chấp hành Trung ương, về một số chủ trương, chính sách lớn để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững khi Việt Nam là thành viên chính thức của WTO.	Sở Thương mại, Sở Văn hóa - Thông tin phối hợp với Ban Tuyên giáo, Trung tâm XTTM-DL và ĐT, các Báo, Đài PT-TH.	- Mô các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho CB, CC và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Tuyên truyền trên Báo, Đài PT-TH.	2007 - 2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ.
II- Rà soát sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các cơ chế chính sách phù hợp với Luật, Quy định của Chính phủ và cam kết của Việt Nam trong WTO:				
1-Tiến hành rà soát loại bỏ ngay các văn bản, những quy định chồng chéo, trái luật, trái với cam kết WTO. Ban hành các quy định, chính sách mới phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, đảm bảo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng cho mọi chủ thể tham gia thị trường.	Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các sở, ngành.	Văn bản hướng dẫn thực hiện: Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh.	2007 - 2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
2- Xây dựng quy định chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh theo Luật Đầu tư hiện hành.	Sở Kế hoạch & Đầu tư chủ trì.	Quyết định; Văn bản của UBND tỉnh.	2007 - 2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
3- Xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm.	Sở Y tế chủ trì.	Đề án, dự án hoặc các chương trình, kế hoạch của ngành Y tế.	2008 - 2010.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

4- Xây dựng chương trình lập quy hàng năm. Xây dựng quy chế phối hợp giữa các ngành về công tác soạn thảo, thẩm định, nâng cao chất lượng xây dựng văn bản QPPL đảm bảo đúng theo quy định pháp luật Việt Nam và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.	Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp và các Sở, ngành có liên quan.	Chương trình; quy chế.	2008 - 2010.	
5- Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển các nhóm sản phẩm công nghiệp và xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.	Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở Thương mại, Sở NN&PTNT.	Xây dựng cơ chế chính sách trình UBND tỉnh ban hành.	2008 - 2009.	
6- Xây dựng các cơ chế, chính sách phát triển đồng bộ các yếu tố kinh tế thị trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh: thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường lao động, thị trường bất động sản, thị trường công nghệ.	Các Sở: Tài chính, Lao động - Thương binh & XH, Tài nguyên & Môi trường, KH & CN.	Xây dựng cơ chế, chính sách trình UBND tỉnh ban hành.	2008 - 2010.	
7- Xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh; đổi mới công nghệ, thiết bị hiện đại, quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường, phát triển thương hiệu.	Sở Thương mại chủ trì phối hợp với TT XTTM-DL&ĐT.	Xây dựng cơ chế, chính sách trình UBND tỉnh ban hành.	2008 - 2009.	
III- Xây dựng và phát triển đồng bộ các yếu tố kinh tế thị trường:				
1- Xây dựng cơ chế, chính sách xã hội hoá về giáo dục, đào tạo nghề, gắn với trang bị kiến thức tin học, ngoại ngữ và luật pháp quốc tế.	Sở LĐTB- Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Giáo dục - Đào tạo.	Đề án, chương trình đào tạo.	2008 - 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
2- Xây dựng triển khai thực hiện sản giao dịch việc làm tại tỉnh và các vệ tinh ở huyện để hỗ trợ nâng cao hiệu quả giải quyết việc làm góp phần hình thành và củng cố thị trường lao động.	Sở LĐTB- Xã hội chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch & Đầu tư.	Xây dựng Đề án trình UBND tỉnh ban hành.	2008 - 2010.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

3-Tổ chức các Hội chợ việc làm lồng ghép với Hội chợ Thương mại trong tỉnh, tạo cơ hội cho người lao động được các doanh nghiệp tuyển dụng.	Sở LĐTB-Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Thương mại, Trung tâm XTTM-DL& Đầu tư.	Tổ chức các Hội chợ Thương mại - Việc làm trong tỉnh.	Từ 2008 trở đi.	Kinh phí thực hiện: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ một phần.
4-Triển khai thanh toán điện tử liên ngân hàng và thanh toán không dùng tiền mặt trên hệ thống ngân hàng hiện đại.	Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh Cà Mau chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Cà Mau.	Kế hoạch thực hiện.	2007 – 2008.	
5- Xây dựng và triển khai quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và tầm nhìn năm 2030, xây dựng Quy hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 của tỉnh.	Sở Tài nguyên - Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện, UBND thành phố Cà Mau.	Xây dựng Quy hoạch chi tiết về Sử dụng đất đai đến 2020 và tầm nhìn năm 2030.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
6- Rà soát về tình hình sử dụng đất của thành phố, các huyện, phường, xã, thị trấn; xây dựng kế hoạch di dời các nhà máy, cơ sở công nghiệp không phù hợp với quy hoạch hoặc gây ô nhiễm môi trường ra khỏi thành phố, khu dân cư theo quy định của Chính phủ và Tỉnh.	Sở Tài nguyên - Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Công nghiệp, BQL các khu công nghiệp.	Xây dựng kế hoạch thực hiện.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
7- Rà soát, phân loại và xây dựng các giải pháp để khai thác có hiệu quả quỹ nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước. Tổng kiểm kê quỹ đất, cơ sở, quỹ nhà, trụ sở làm việc của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn, các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của pháp luật. Xây dựng các cơ chế quản lý và đăng ký bất động sản công khai, minh bạch nhằm thúc đẩy các hoạt động đầu tư và kinh doanh.	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường.	Xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức thực hiện.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

8- Xây dựng phương án và lộ trình thực hiện giá giao đất và giá thuê đất theo cơ chế thị trường.	Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên - Môi trường.	Xây dựng kế hoạch, phương án tổ chức thực hiện.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
IV- Đổi mới và nâng cao hiệu quả đầu tư:				
1- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Cà Mau gắn với quy hoạch phát triển ĐBSCL giai đoạn 2006-2020 và tầm nhìn 2030.	Sở Kế hoạch - Đầu tư chủ trì.	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Cà Mau GD 2006-2020 và tầm nhìn 2030.	2007 - 2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
2- Hoàn chỉnh Quy hoạch tổng thể mặt bằng thành phố và các huyện; rà soát, điều chỉnh quy hoạch hợp lý, loại bỏ các quy hoạch treo (Thực hiện theo lộ trình).	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Cà Mau và UBND các huyện	Quy hoạch, kế hoạch.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
3- Ban hành các cơ chế, chính sách nhằm đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư và hình thức đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật về thương mại, du lịch, các trung tâm thương mại, siêu thị, các khách sạn 2-3 sao, các khu vui chơi giải trí, các cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập .	Sở KH&ĐT chủ trì, phối hợp với các sở: Thương mại, Ngoại vụ - Du lịch, Văn hóa – Thông tin.	Xây dựng cơ chế, chính sách trình UBND tỉnh ban hành.	2008 – 2009.	
V- Nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các doanh nghiệp và của hàng hóa, dịch vụ:				
1- Tập trung phát triển thị trường nội địa, trong đó cần phát triển nhanh mạng lưới thương mại rộng khắp từ tỉnh xuống xã, khu dân cư, để tổ chức tốt khâu lưu thông hàng hóa. Phát triển hệ thống phân phối truyền thống như hệ thống chợ. Điều chỉnh các Quy hoạch ngành Thương mại đến năm 2020; thực hiện kế hoạch phát triển chợ để đến năm 2015 tất cả các xã trong tỉnh đều có chợ kiên cố hoặc bán kiên cố.	Sở Thương mại chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT, UBND huyện, thành phố Cà Mau.	Xây dựng, điều chỉnh các Quy hoạch; Đề án phát triển thị trường nội địa; Chương trình XK hàng hóa - dịch vụ.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

2- Xây dựng đề án nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư nước ngoài nhằm phát huy lợi thế khi gia nhập WTO.	Trung tâm XTTM-DL & ĐT chủ trì.	Đề án.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
3- Đầu tư đổi mới công nghệ để sản xuất, phát triển các nhóm sản phẩm có hàm lượng công nghệ và giá trị xuất khẩu cao. Mở rộng phát triển quy mô sản xuất để tạo ra hàng hoá có khối lượng lớn, sức cạnh tranh cao.	Các doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh.	Xây dựng kế hoạch phát triển doanh nghiệp.	2008 – 2012.	
4- Xây dựng cơ chế gắn kết giữa người nông dân sản xuất nguyên liệu với nhà máy chế biến, giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp để hỗ trợ sản xuất và hạn chế những rủi ro trong sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là trong tranh chấp thương mại...	Hội Nông dân tỉnh, các Hiệp hội ngành nghề chủ trì. Các đơn vị phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở Thương mại.	Chương trình, đề án.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
5- Thiết lập mối quan hệ giữa tỉnh Cà Mau với các Thương vụ, Đại sứ quán Việt Nam tại một số nước là thị trường truyền thống cũng như thị trường tiềm năng của các doanh nghiệp Cà Mau như Nhật, Mỹ, EU, Úc, Hàn Quốc...	Trung tâm Xúc tiến Thương mại, Du lịch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ - Du lịch.	Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện.	2007 – 2012.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
6- Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh về sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học & Công nghệ chủ trì.	Kế hoạch.	2008.	
7- Phát triển hạ tầng giao thông đường bộ; giao thông đường thủy (sông và sông - biển kết hợp) và đường hàng không.	Sở Giao thông - Vận tải chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT.	Đề án, dự án và kế hoạch thực hiện về phát triển hạ tầng giao thông của tỉnh Cà Mau giai đoạn 2008 – 2015 và 2020.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

8- Xây dựng chương trình phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp với tốc độ cao, đi đôi với nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường, tăng khả năng cạnh tranh các sản phẩm công nghiệp để giữ vững và mở rộng thị trường, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế Công nghiệp-Dịch vụ - Nông nghiệp. Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Công nghiệp giai đoạn 2007 - 2020; xây dựng đề án đánh giá năng lực cạnh tranh của ngành Công nghiệp địa phương, xác định sản phẩm chủ yếu của công nghiệp. Xây dựng chiến lược tổng thể phát triển các ngành sản xuất, chế biến hàng hóa; xây dựng chính sách khuyến khích các cơ sở SX công nghiệp sử dụng lao động không yêu cầu trình độ, kỹ năng cao chuyển về nông thôn hoặc đầu tư ở nông thôn.	Sở Công nghiệp chủ trì, phối hợp với Sở KH&ĐT, Sở NNPT-NT, Sở Thương mại, Sở LĐTB&XH.	Quy hoạch tổng thể ngành, Chương trình, chiến lược phát triển sản xuất, chế biến.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
VI- Cải cách hành chính, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức, bộ máy hành chính, đổi mới và nâng cao chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức:				
1- Tiến hành rà soát lại thủ tục hành chính, loại bỏ các thủ tục giấy phép gây phiền hà đến tổ chức và công dân. Công bố công khai, minh bạch các loại công việc, thời gian giải quyết của các cơ quan nhà nước; triển khai áp dụng cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông.	Sở Nội vụ chủ trì, các Sở, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố phối hợp, tổ chức thực hiện.	- Báo cáo rà soát các thủ tục hành chính. - Quyết định thực hiện cơ chế 1 cửa, cơ chế 1 cửa liên thông của UBND tỉnh.	2008 – 2010 Quý I và II năm 2008.	
2- Xây dựng kế hoạch từng bước tin học hoá trong các công sở hành chính nhà nước. Xây dựng hoàn chỉnh mạng thông tin liên kết giữa tỉnh với các ngành, địa phương và giữa các ngành với nhau.	Sở Bưu chính - Viễn thông chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học & Công nghệ .	Kế hoạch.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

3- Xây dựng kế hoạch đào tạo, đào tạo lại cán bộ, công chức hiện có; xây dựng cơ chế tuyển chọn cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất, kiến thức chuyên môn và ngoại ngữ, am hiểu luật pháp quốc tế để làm công tác có liên quan đến hoạt động đối ngoại và các hoạt động xúc tiến thương mại- đầu tư đáp ứng nhu cầu hội nhập.	Sở Nội vụ chủ trì.	Kế hoạch, chương trình.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
4-Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức hành chính và cán bộ, công chức cấp xã để nâng cao kiến thức và năng lực quản lý, điều hành, thi hành công vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.	Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở GD-ĐT.	Kế hoạch.	2008 – 2010.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
VII- Phát triển nguồn nhân lực:				
1- Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ luật sư am hiểu luật pháp quốc tế, có khả năng tham gia tranh tụng quốc tế, giới ngoại ngữ để xử lý các tranh chấp trong thực thi các quy định của WTO.	Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ.	Kế hoạch.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
2- Xây dựng các giải pháp mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, công nhân kỹ thuật tại các trường chuyên nghiệp và các Trung tâm dạy nghề trong tỉnh. Phấn đấu đến năm 2010 tỷ lệ đào tạo lao động xã hội đạt 30% và 60% vào năm 2020 có khả năng đáp ứng được nhu cầu lao động trong tỉnh và xuất khẩu.	Sở LĐTB - Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở GD-ĐT.	Kế hoạch, giải pháp.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

3- Xây dựng các chương trình, kế hoạch phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục - Đào tạo, từ nay đến năm 2010 nhanh chóng đưa Cà Mau thoát ra danh sách các tỉnh thuộc “vùng trũng” về giáo dục.	Sở Giáo dục - Đào tạo chủ trì.	Chương trình, kế hoạch.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
4- Xã hội hoá sự nghiệp giáo dục- đào tạo nhằm tạo nguồn lực tài chính và các nguồn lực khác phát triển giáo dục. Xây dựng cơ chế khuyến khích các thành phần kinh tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường dạy nghề trong các ngành kỹ thuật - công nghệ, luật quốc tế, quản trị doanh nghiệp... theo các loại hình dân lập và tư thực, đầu tư nước ngoài.	Sở Giáo dục - Đào tạo chủ trì.	Kế hoạch.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
VIII- Hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển nông thôn:				
1- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Nông nghiệp PTNT đến năm 2020. Quy hoạch phát triển vùng phù hợp với điều kiện đất đai, thổ nhưỡng, điều kiện canh tác như : nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng, khai thác đánh bắt...	Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn chủ trì.	Quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch chi tiết phát triển vùng.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
2- Quy hoạch tổng thể phát triển ngành Thủy sản đến năm 2020 và các quy hoạch chi tiết các vùng nuôi trồng, khai thác thủy sản.	Sở Thủy sản chủ trì.	Quy hoạch phát triển ngành.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

3- Xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư các cơ sở giết mổ, chế biến công nghiệp quy mô lớn có sản phẩm an toàn tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu.	Sở NN- PTNT.	Xây dựng cơ chế, chính sách trình UBND tỉnh ban hành.	2008.	
4- Xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển các mô hình Hợp tác xã sản xuất, khai thác và dịch vụ nông nghiệp. Điều chỉnh, sửa đổi các quy định nhằm giảm bớt tối đa các khoản đóng góp của nông dân, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với nông dân sản xuất, tiêu thụ sản phẩm (không trái với các quy định của cam kết WTO).	Sở NN-PTNT, Sở Thủy sản, Sở Tài chính, Liên minh Hợp tác xã tỉnh chủ trì.	Xây dựng, trình UBND tỉnh ban hành các chính sách.	2008 – 2009.	
5- Xây dựng chương trình kế hoạch thực hiện tốt Chỉ thị số 22/CT-TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy; đẩy mạnh tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo tỉnh Cà Mau giai đoạn 2006-2010 với mục tiêu hạn chế khoảng cách thu nhập giữa hộ giàu và hộ nghèo.	Sở Lao động Thương binh - Xã hội chủ trì.	Xây dựng chương trình.	2008.	
6- Xây dựng chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho các doanh nghiệp, khuyến khích các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp sử dụng lao động địa phương để tạo thêm việc làm tại chỗ, góp phần giảm bớt áp lực di cư lao động ở nông thôn. Thành lập các trung tâm dạy nghề hoặc hỗ trợ chuyển đổi nghề miễn phí cho nông dân khi có chính sách thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Lao động Thương binh - Xã hội chủ trì.	Dự án; xây dựng các chính sách trình UBND tỉnh ban hành.	2008 – 2009.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

7- Xây dựng, điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cà Mau. Ban Quản lý các khu công nghiệp của tỉnh hoàn thành Quy hoạch các khu công nghiệp tỉnh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; triển khai nhanh tiến độ xây dựng Khu công nghiệp Khánh An, Hoà Trung, Sông Đốc, Năm Căn.	Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với BQL các khu công nghiệp, các huyện, Tp. Cà Mau.	Quy hoạch đô thị, các dự án.	2008 – 2012.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
IX- Giải quyết tốt các chính sách an sinh xã hội và các vấn đề xã hội:				
1- Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế từ nay đến năm 2010 và các năm tiếp theo.	Sở Y tế chủ trì.	Kế hoạch.	2007 – 2008.	
2- Đào tạo nguồn lao động để cung ứng các khu công nghiệp trong, ngoài tỉnh từ nay đến 2020 bình quân mỗi năm khoảng 7.000 - 8.000 lao động. Đưa lao động đi làm việc ngoài nước giai đoạn 2006-2020 bình quân từ 500-1.000 lao động.	Sở Lao động Thương binh - xã hội chủ trì.	Chương trình, kế hoạch đào tạo.	2007 – 2009.	
X- Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững:				
1- Ban hành văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.	Sở Tài nguyên-Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành.	Soạn thảo văn bản trình UBND tỉnh ban hành.	2008.	
2- Tiến hành thực hiện các cuộc thanh tra, kiểm tra sâu, toàn diện về bảo vệ môi trường.	Sở Tài nguyên - Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và Phòng Cảnh sát bảo vệ môi trường.	Biên bản.	Từ năm 2008.	
3- Quy hoạch môi trường tỉnh Cà Mau đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020.	Sở Tài nguyên - Môi trường.	Quy hoạch.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.

4- Dự án xây dựng trạm quan trắc.	Sở Tài nguyên - Môi trường.	Dự án.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
5- Dự án kho chứa chất thải nguy hại.	Sở Tài nguyên - Môi trường.	Dự án.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
6- Dự án thông tin địa lý phục vụ công tác quản lý môi trường (GIS).	Sở Tài nguyên - Môi trường.	Dự án.	2008	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
7- Dự án điều tra nguồn thải, chất thải, lượng phát thải và đánh giá sức chịu tải của môi trường và Dự án đánh giá, dự báo và cảnh báo nguy cơ sự cố môi trường.	Sở Tài nguyên – Môi trường	Dự án.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
8- Lập dự án đánh giá tài nguyên đất nông nghiệp sau chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản vùng bán đảo Cà Mau.	Sở Tài nguyên & Môi trường chủ trì, phối hợp với Vụ đăng ký đất đai.	Dự án.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.
XI- Bảo vệ, phát huy những giá trị văn hóa dân tộc:				
1- Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành VH-TT đến 2020. Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng các trung tâm văn hoá - thể thao của tỉnh và các huyện, thành phố Cà Mau. Xây dựng chính sách bảo tồn, tôn tạo các khu di tích lịch sử, các công trình văn hoá tiêu biểu.	Sở Văn hoá - Thông tin chủ trì.	Quy hoạch tổng thể, dự án, chính sách về bảo tồn văn hóa của tỉnh.	2008.	Kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách Nhà nước.